

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Thiều Thị Phi Loan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1449/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị A, sinh năm 1971.

Địa chỉ: khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà A, ông Đ có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị A trình bày: Bà và ông Đ đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2012 tại UBND phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau 06 năm chung sống, bà phát hiện ông có tình cảm với người phụ nữ khác, bà đã nói chuyện với ông Đ và cho ông cơ hội để sửa chữa để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc gia đình

nhưng không có kết quả. Ông bà chung sống một nhà nhưng không còn tình cảm với nhau, không quan hệ vợ chồng. Từ tháng 4/2024, ông Đ hay cáu gắt, chửi rủa và đuổi bà. Ngày 21/5/2024, vợ chồng cãi nhau, ông Đ lớn tiếng đuổi bà ra khỏi nhà nên bà và ông Đ sống ly thân thì từ đó đến nay. Nay bà xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 17/6/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông và bà Phạm Thị A tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2012 cấp ngày 5/01/2012, hôn nhân là tự nguyện. Ông và bà A chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông có tình cảm với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, ông đã xin lỗi bà A và bà A đã bỏ qua cho ông, hai vợ chồng tiếp tục chung sống hạnh phúc. Mặc dù vậy, bà A vẫn còn nghi ngờ ông còn liên lạc tình cảm với người phụ nữ ấy nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Ngày 21/5/2024 bà A đã bỏ nhà ra ngoài sống nên ông bà ly thân từ đó đến nay. Nay bà A xin ly hôn thì ông không đồng ý vì chuyện không có gì quá đáng để ly hôn và theo tôn giáo của ông, nếu ông đồng ý ký tên ly hôn, ông sẽ mắc tội trọng và sẽ phải mang tội suốt đời đến khi người ly hôn với ông qua đời, đồng thời ông sẽ không bao giờ được chịu phép mình thánh chúa (một nghi thức của đạo Thiên Chúa). Trường hợp nếu bà A cương quyết ly hôn với ông, ông đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung : Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị A và ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị vắng mặt nên nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị A xin ly hôn ông Nguyễn Văn Đ, ông Đ là bị đơn và hiện đang cư trú tại: khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

Nguyên đơn bà Phạm Thị A và bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự. Bà A, ông Đ có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/2012 vào ngày 05/01/2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay bà A xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

2.2. Về yêu cầu xin ly hôn của bà A:

Theo lời khai của nguyên đơn, lý do bà xin ly hôn do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà phát hiện ông Đ có tình cảm với người phụ nữ khác. Bà đã nói chuyện với ông Đ để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng có kết quả. Thời điểm vợ chồng chung sống một nhà nhưng không có tình cảm với nhau, không quan hệ vợ chồng. Từ ngày 21 tháng 5 năm 2024, ông Đ lớn tiếng đuổi bà ra khỏi nhà nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ khai cũng thừa nhận, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà A đã bỏ qua cho ông và hai vợ chồng tiếp tục chung sống hạnh phúc. Do bà A vẫn còn nghi ngờ ông còn liên lạc tình cảm với người phụ nữ ấy nên vợ chồng xảy ra cãi vã, ngày 21/5/2024 bà A đã bỏ nhà ra ngoài sống. Ông không đồng ý ly hôn vì chuyện không có gì quá đáng để ly hôn và ông không muốn mang tội vì ông theo đạo Thiên Chúa. Trường hợp nếu bà A cương quyết ly hôn với ông, ông đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 18/6/2024 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thể hiện, trong quá trình sinh sống giữa bà A và ông Đ có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết vì khi xảy ra mâu thuẫn bà A và ông Đ không báo với địa phương và các đương sự không có đơn đề nghị địa phương hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Hiện nay tại địa chỉ khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai chỉ có ông Đ sinh sống còn bà A không sống tại đây. Như vậy, bà A và ông Đ đã ly thân đúng như lời trình bày của các đương sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà A và ông Đ là có thật và hiện đã rất trầm trọng, đã được các đương sự thừa nhận. Ông Đ không

đồng ý ly hôn vì theo ông mâu thuẫn không đáng để ly hôn và vì lý do tôn giáo. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án, ông Đ không đến Tòa án, không thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm mà thể hiện ông đã có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt, không có khả năng hàn gắn Đ tự, nếu tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân cũng không đem đến hạnh phúc cho nhau. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà A, cho bà A được ly hôn với ông Đ để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

2.3. Về con chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.6. Về án phí: Bà Phạm Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ **Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;**

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị A với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ về việc “Ly hôn”;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1971 được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969.

2. Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu số 0004066 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, bà A đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. B ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lê Thị Tám